

**Bản án số: 60 /2023/ HNGĐ-ST**

**Ngày: 09 - 3 -2023**

**“V/v Ly hôn giữa chị T và anh T1”**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH***

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**1. Bà **ÂU THỊ NGỌC HOA****

**2. Ông **TRẦN TRUNG NHÂN****

*- Thư ký phiên tòa: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.*

Trong ngày 09 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp “Xin ly hôn và chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXX-ST ngày 23 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Huyền T**, sinh năm 1999.*

*Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.*

*2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Chí T1**, sinh năm 1997.*

*Địa chỉ: ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.*

( Các đương sự có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Tại đơn khởi kiện nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Huyền T** trình bày: Do mai mối chị và anh T1 tiến đến hôn nhân năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 11/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, T1 tình không hợp, thường hay cãi nhau, vợ chồng đã ly thân từ tháng 12/2022 đến nay.*

Về con chung: Không có.

Tài sản chung: có 10 chỉ vàng 24Kr( vàng cưới) anh T1 đang giữ.

Nợ chung: Không có.

Chị T yêu cầu ly hôn với anh T1. Tài sản chung yêu cầu được chia 05 chỉ vàng 24Kr.

Tại phiên tòa, chị T xác định không còn tình cảm với anh T1 nên kiên quyết ly hôn. Về tài sản chung gồm 01 đôi bông 01 chỉ vàng 24 Kr, 01 lắc tay 05 chỉ vàng 24 Kr, 01 sợi dây chuyền 04 chỉ vàng 24Kr. Chị yêu cầu chia đôi, chị xin nhận đôi bông và sợi dây chuyền.

**- Bị đơn anh Nguyễn Chí T1 tại tờ tự khai và tại phiên tòa trình bày:** Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về quá trình tiến đến hôn nhân. Con chung, tài sản chung, nợ chung. Về mâu thuẫn vợ chồng chị T sống với anh 01 tháng thì đòi ly hôn 25 ngày, anh và vợ không có mâu thuẫn gì lớn. Hiện anh còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn.

Tài sản chung anh không đồng ý chia vì đây là vàng cưới mẹ anh cho hai vợ chồng làm vốn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh T1, yêu cầu chia tài sản chung. Do đó xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung vợ chồng theo qui định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo qui định tại điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị T và anh T1 tiến đến hôn nhân năm 2022 trên cơ sở có sự tìm hiểu nhau trước, có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, anh chị chung sống hạnh phúc vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ ngày 12/2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không đủ yêu thương, thông cảm cho nhau, không tin tưởng nhau nên xảy ra cự cãi. Chị T xác định không còn tình cảm gì với anh T1 nên kiên quyết ly hôn. Đối với anh T1 tại phiên tòa không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng anh chị không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xem xét cho chị T được ly hôn với anh T1 là phù hợp điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Không có

[2.3] Tài sản chung: Gồm có 01 đôi bông 01 chỉ vàng 24 Kr, 01 lắc tay 05 chỉ vàng 24 Kr, 01 sợi dây chuyền 04 chỉ vàng 24Kr. Chị T yêu cầu chia đôi chị xin nhận đôi bông và sợi dây chuyền; đối với anh T1 không đồng ý chia số vàng trên nhưng anh thừa nhận đây là vàng mẹ anh cho vợ chồng khi kết hôn. Xét thấy, việc anh T1 thừa nhận 10 chỉ vàng cưới là tài sản vợ chồng được cho chung là tình tiết không cần phải chứng minh theo qui định tại điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự nên việc vợ chồng ly hôn chị T yêu cầu chia đôi số tài sản trên là có cơ sở theo qui định tại điều 33, 59 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.4] Nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu ly hôn được chấp nhận; chị T và anh T1 phải chịu án phí chia tài sản theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Giá vàng ngày xét xử: 5.320.000đồng/ chỉ vàng 24Kr.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 59 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Huyền T.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Huyền T được ly hôn với anh Nguyễn Chí T1.

2. Về tài sản chung: Chia cho chị T 01 đôi bông 01 chỉ vàng 24Kr và 01 sợi dây chuyền 04 chỉ vàng 24Kr

Chia cho anh T1 01 chiếc lắc tay 05 chỉ vàng

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Huyền T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm và 1.130.000 án phí chia tài sản. Chị đã nộp 972.500 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010823, 0010824 ngày 09/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên phải nộp tiếp 457.500 đồng

Anh Nguyễn Chí T1 phải chịu 1.130.000 án phí chia tài sản.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T, anh T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**TRẦN TÚ ANH**

